GIỚI HẠN PHÁP LÝ CỦA HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG ĐỐI VỚI VIỆC ĐƯA TIN VỀ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA

HOÀNG THỊ HIỀN*
QUẢN PHẠM ANH THƯƠNG**

Pháp luật Việt Nam hiện hành đã có những quy định nhằm điều chỉnh hoạt động cung cấp và đăng tải thông tin liên quan đến vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra, song trên thực tế vẫn tồn tại nhiều khoảng trống và bất cập. Bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận của việc thiết lập các giới hạn pháp lý đối với hoạt động truyền thông trong lĩnh vực tư pháp hình sự; phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật; đồng thời, vận dụng các lý thuyết pháp lý hiện đại góp phần làm rõ vấn đề xây dựng khuôn khổ pháp lý vừa bảo đảm quyền tự do báo chí, vừa bảo vệ hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự và quyền con người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Từ khóa: *Giới hạn pháp lý; truyền thông; điều tra; vụ án hình sự; bảo đảm quyền.*

Current Vietnamese law contains provisions governing the provision and publication of information related to criminal cases during the investigation stage. However, in practice, significant gaps and shortcomings remain. The article focuses on clarifying the theoretical foundations for establishing legal limits on media activities in the field of criminal justice; analyzing and evaluating the current legal framework; and applying modern legal theories to contribute to the development of a legal framework that both safeguards freedom of the press and effectively protects criminal proceedings and human rights in a socialist rule-of-law state.

Keywords: *Legal limits; media; investigation; criminal cases; protection of rights.*

NGÀY NHẬN: 02/5/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 03/6/2026 NGÀY DUYỆT: 18/6/2026

DOI: https://doi.org/10.59394/qlnn.365.2026.1526

1. Đặt vấn đề

Thông tin về các vụ án hình sự luôn thu hút sự quan tâm đặc biệt của công chúng, nhất là đối với những vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp hoặc mang yếu tố nhạy cảm. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, nhiều trường hợp cơ quan báo chí, mạng xã hội đã đăng tải thông tin vượt quá giới hạn cho phép, như: công khai danh tính người bị tình nghi, tiết lộ tài liệu điều tra hoặc đưa ra

* *ThS,Phân hiệu Đại học Luật Hà Nội tại Đắk Lắk*
** *Sinh viên Phân hiệu Đại học Luật Hà Nội tại Đắk Lắk*

những nhận định mang tính kết tội khi chưa có bản án có hiệu lực pháp luật. Điều này đặt ra những thách thức không nhỏ đối với việc bảo đảm các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự và bảo vệ quyền con người.

Việc đưa tin thiếu khách quan hoặc mang tính kết luận sớm không chỉ xâm phạm quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị nghi ngờ theo quy định của pháp luật dân sự (khoản 1 Điều 34 *Bộ luật Dân sự* năm 2015) mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến các quyền cơ bản khác, như: quyền được xét xử công bằng và quyền được bảo vệ đời sống riêng tư. Những hành vi này không chỉ ảnh hưởng đến nguyên tắc suy đoán vô tội, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm và đời tư của cá nhân mà còn có thể tác động tiêu cực đến quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Do đó, việc xác định ranh giới giữa quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin với yêu cầu bảo vệ bí mật điều tra và bảo đảm quyền con người trở thành vấn đề pháp lý có ý nghĩa quan trọng.

2. Các quy định của pháp luật hiện hành

Hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay chưa hình thành một đạo luật chuyên biệt điều chỉnh trực tiếp và toàn diện về giới hạn hoạt động truyền thông trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Thay vào đó, các quy phạm liên quan được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) không trực tiếp quy định về hoạt động truyền thông trong quá trình điều tra vụ án hình sự nhưng đã thiết lập những nguyên tắc hiến định có ý nghĩa nền tảng trong việc đặt ra giới hạn đối với hoạt động này. Trước hết, Điều 25 *Hiến pháp* ghi nhận và bảo đảm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và quyền tiếp cận thông tin của công dân, qua đó, tạo cơ sở hiến định cho hoạt động truyền thông nói chung và hoạt động báo chí nói riêng.

Cụ thể hóa tinh thần của *Hiến pháp* năm 2013, Điều 11, Điều 12 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 ghi nhận nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, danh dự và nhân phẩm của cá nhân. Nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định tại Điều 13 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015, theo đó, người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do luật định và có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật. Nguyên tắc này có ý nghĩa trực tiếp trong việc đặt ra giới hạn đối với hoạt động truyền thông, bởi việc đưa tin, bình luận hoặc nhận định mang tính kết tội trong giai đoạn điều tra có thể làm sai lệch nhận thức của xã hội, xâm phạm quyền con người của người bị buộc tội và ảnh hưởng đến tính công bằng của quá trình tố tụng.

Ngoài ra, Điều 15 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 còn xác lập nguyên tắc bảo đảm việc xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Đặc biệt, cơ chế bảo vệ bí mật điều tra được quy định tại Điều 177 *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015. Mặc dù *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 không điều chỉnh trực tiếp hoạt động truyền thông như một lĩnh vực độc lập, nhưng thông qua việc bảo vệ bí mật điều tra, nguyên tắc suy đoán vô tội và yêu cầu bảo đảm tính khách quan trong việc xác định sự thật của vụ án đã hình thành những giới hạn pháp lý quan trọng đối với việc tiếp cận, khai thác và công bố thông tin về các vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra. Tuy nhiên, các giới hạn này chủ yếu hướng đến việc điều chỉnh hành vi của các chủ thể tiến hành và tham gia tố tụng, trong khi chưa có cơ chế pháp lý cụ thể, trực tiếp để kiểm soát hoạt động truyền thông của báo chí và các nền tảng truyền thông xã hội, qua đó cho thấy, vẫn còn tồn tại khoảng trống pháp lý trong lĩnh vực này.

Luật Báo chí năm 2016 cũng đã thiết lập một số giới hạn chung đối với hoạt động

truyền thông, qua đó, gián tiếp điều chỉnh việc đưa tin về các vụ án hình sự đang trong quá trình điều tra (Điều 9). Đến nay, các quy định này được quy định rõ hơn trong *Luật Báo chí* năm 2025. Tuy nhiên, quyền đưa tin trong giai đoạn điều tra không phải là quyền tuyệt đối mà luôn gắn liền với những giới hạn và điều kiện nhất định. Cơ quan báo chí không được tùy tiện khai thác và công bố các tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật điều tra hoặc bí mật đời tư, như: biên bản hỏi cung, tài liệu tố tụng nội bộ, kết quả giám định chưa được công bố. Nguồn thông tin được phép sử dụng chủ yếu là các thông tin chính thức đã được công khai, thông cáo báo chí hoặc phát ngôn của người có thẩm quyền.

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 là văn bản pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thiết lập khuôn khổ pháp lý nhằm bảo vệ các thông tin trọng yếu của Nhà nước, trong đó có nhiều thông tin phát sinh trực tiếp từ hoạt động điều tra vụ án hình sự. Trong đó, Điều 2 của *Luật* này quy định gián tiếp về những giới hạn pháp lý đối với hoạt động truyền thông trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; đồng thời, có ý nghĩa trực tiếp đối với hoạt động báo chí và truyền thông trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Bên cạnh đó, khoản 6 Điều 5 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước, không được đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng, internet, mạng máy tính và mạng viễn thông...

Luật An ninh mạng năm 2018 là văn bản pháp luật quan trọng điều chỉnh hoạt động truyền thông trên không gian mạng, trong đó có hoạt động đưa tin, chia sẻ và bình luận liên quan đến các vụ án hình sự đang trong quá trình điều tra. Các hành vi bị nghiêm cấm trên không gian mạng, trong đó bao gồm: hành vi đăng tải, phát tán thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống; thông tin xâm phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm của cá nhân; thông tin kích động, gây hoang mang trong Nhân dân hoặc ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội (Điều 8). Bên cạnh đó, Điều 5, Điều 26 *Luật An ninh mạng* năm 2018 quy định cho cơ quan có thẩm quyền quyền áp dụng các biện pháp kỹ thuật và hành chính nhằm ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc hạn chế truy cập đối với các nội dung thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng. Các quy định này cho phép Nhà nước can thiệp kịp thời đối với các thông tin truyền thông có nguy cơ gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử cũng như làm phát sinh áp lực dư luận xã hội không phù hợp đối với các cơ quan tiến hành tố tụng.

Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ được ban hành nhằm quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, qua đó, thiết lập chế tài cụ thể đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động truyền thông. Trong mối liên hệ với tố tụng hình sự, Nghị định số 119/2020/NĐ-CP đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và ràng buộc trách nhiệm pháp lý của cơ quan báo chí khi đưa tin về các vụ án đang trong quá trình điều tra; đồng thời, quy định các hành vi, như: thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống; suy diễn, bình luận mang tính kết luận về vụ án khi chưa có căn cứ pháp lý; đăng tải thông tin xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân hoặc làm sai lệch bản chất vụ việc đều bị xử phạt hành chính với mức phạt tiền tương đối nghiêm khắc, cùng với đó là có thể bị tịch thu tang vật vi phạm hành chính là sản phẩm báo chí và tước quyền sử dụng giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động (khoản 9 Điều 8) kèm theo các biện pháp khắc phục hậu quả, như: buộc cải chính, xin lỗi hoặc gỡ bỏ thông tin vi phạm (khoản 10 Điều 8).

3. Thực tiễn áp dụng pháp luật

Trong bối cảnh báo chí và mạng xã hội

phát triển mạnh mẽ, đặc biệt sau quá trình sắp xếp, tinh gọn, tính đến tháng 11/2025, cả nước còn 778 cơ quan báo chí đang hoạt động[1]. Trong đó, có nhiều cơ quan báo chí và đặc biệt là các nền tảng mạng xã hội thường sử dụng các tiêu đề và nội dung mang tính khẳng định hành vi phạm tội. Ví dụ: "đối tượng giết người", "kẻ lừa đảo", ngay cả khi cơ quan tiến hành tố tụng mới chỉ khởi tố vụ án hoặc khởi tố bị can. Cách tiếp cận này không chỉ vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội mà còn tạo ra một dạng "bản án dư luận", có khả năng ảnh hưởng đến tính khách quan của quá trình tố tụng[2].

Trên thực tế hiện nay, không ít vụ việc cho thấy, hình ảnh, danh tính, thông tin cá nhân, hoàn cảnh gia đình của nghi phạm cùng với các lời khai ban đầu và những tình tiết chưa được kiểm chứng đã nhanh chóng xuất hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội. Việc công bố thông tin vượt quá mức cần thiết trong giai đoạn điều tra đã dẫn đến hiện tượng "xét xử bằng dư luận" khi công chúng hình thành nhận thức mang tính kết tội trước khi có bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Bên cạnh đó, hiện tượng truyền thông định hướng dư luận thông qua cách lựa chọn ngôn ngữ, giật tít, khai thác yếu tố cảm xúc hoặc đưa ra các nhận định mang tính kết luận cũng diễn ra khá phổ biến. Trong nhiều vụ án được xã hội đặc biệt quan tâm, báo chí và mạng xã hội có xu hướng "tự ý tuyên án", qua đó, tạo ra áp lực dư luận lớn không chỉ đối với cá nhân người bị điều tra mà còn đối với các cơ quan tiến hành tố tụng.

Tình trạng rò rỉ thông tin điều tra cũng diễn ra dưới nhiều hình thức tinh vi. Các thông tin, như: lời khai ban đầu, kết quả khám nghiệm hoặc các tình tiết chưa được kiểm chứng thường xuất hiện trên báo chí hoặc mạng xã hội trước khi được công bố chính thức. Đáng chú ý, sự phát triển của mạng xã hội đã làm gia tăng đáng kể mức độ phức tạp của vấn đề. Tình trạng này thể hiện rất rõ qua một số vụ án điển hình giai đoạn gần đây, như: vụ án xảy ra tại Tập đoàn Vạn Thịnh Phát[3] hay sự việc tiền từ thiện của nghệ sĩ Hoài Linh[4]. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với cơ chế quản lý nhà nước hiện nay.

4. Đánh giá hoạt động truyền thông trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Thứ nhất, truyền thông giữ vai trò như một thiết chế giám sát và phản biện xã hội, góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động điều tra vụ án hình sự. Theo Ban Nội chính Trung ương[5], truyền thông không chỉ thực hiện chức năng cung cấp thông tin mà còn là một công cụ giám sát, phản biện quan trọng đối với hoạt động tư pháp. Trong giai đoạn điều tra - giai đoạn mang tính nhạy cảm và tiềm ẩn nguy cơ lạm quyền hoặc vi phạm tố tụng, sự tham gia của báo chí có ý nghĩa đặc biệt trong việc thúc đẩy tính công khai, minh bạch khi các hoạt động điều tra, quyết định tố tụng được phản ánh trên các phương tiện truyền thông, cơ quan điều tra và viện kiểm sát buộc phải thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình một cách thận trọng, đúng pháp luật và tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục tố tụng. Sự minh bạch do truyền thông tạo ra hình thành một dạng "áp lực tích cực", qua đó, góp phần hạn chế nguy cơ oan, sai và bảo đảm tốt hơn các quyền con người trong tố tụng hình sự.

Thứ hai, truyền thông tạo điều kiện để người dân tiếp cận thông tin tư pháp, qua đó, thúc đẩy cơ chế giám sát xã hội đối với vụ án hình sự nói chung và hoạt động điều tra nói riêng. Việc người dân có khả năng theo dõi thông tin vụ án không chỉ giúp họ đánh giá mức độ nghiêm minh, công bằng của các cơ quan tố tụng mà còn tạo điều kiện để cung cấp thông tin, chứng cứ hoặc phản ánh kịp thời các dấu hiệu vi phạm. Đây là biểu hiện

của cơ chế giám sát xã hội hóa trong Nhà nước pháp quyền, góp phần hạn chế tình trạng "quyền lực đóng" vốn có nguy cơ phát sinh trong các hoạt động điều tra mang tính nội bộ và khép kín.

Thứ ba, việc đa dạng hóa các loại hình truyền thông góp phần nâng cao hiệu quả phổ biến và tiếp cận thông tin tư pháp trong giai đoạn điều tra. Do đó, truyền tải thông tin tư pháp không còn giới hạn ở báo in hay truyền hình truyền thống mà được mở rộng sang các nền tảng báo điện tử, mạng xã hội, podcast, đồ họa thông tin (infographic) và các hình thức truyền thông đa phương tiện khác. Sự đa dạng hóa này giúp tăng tốc độ lan truyền thông tin và mở rộng khả năng tiếp cận của các nhóm công chúng khác nhau về độ tuổi, trình độ cũng như khu vực địa lý, đặc biệt, giúp công chúng tiếp nhận và có khả năng phân tích, đánh giá thông tin tư pháp một cách chủ động.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực, hoạt động truyền thông trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự còn những hạn chế nhất định, như: (1) Hoạt động truyền thông thiếu kiểm soát trong giai đoạn điều tra có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự. Khi thông tin về vụ án, đặc biệt là các dữ liệu điều tra ban đầu, lời khai, giả thuyết điều tra hoặc nhận định mang tính suy diễn được công bố rộng rãi, quá trình điều tra có nguy cơ bị tác động bởi áp lực dư luận; (2) Việc đưa tin thiếu thận trọng trong giai đoạn điều tra dễ dẫn đến xâm phạm quyền con người, đặc biệt là quyền về danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư của người bị tình nghi và những cá nhân có liên quan. Đặc biệt, trong môi trường truyền thông số, thông tin lan truyền nhanh và khó kiểm soát, khiến việc cải chính sau đó khó khôi phục hoàn toàn hình ảnh cá nhân; (3) Truyền thông thiếu chuẩn mực trong giai đoạn điều tra làm méo mó nhận thức pháp lý của công chúng và gây suy giảm niềm tin vào hệ thống tư pháp hình sự. Khi các thông tin suy diễn, tin đồn, "điều tra mạng" hoặc những nhận định chưa được kiểm chứng lan truyền rộng rãi, công chúng dễ nhầm lẫn giữa quan điểm cá nhân với kết luận pháp lý chính thức của cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, quá trình giải quyết vụ án có nguy cơ bị nhìn nhận theo cảm tính và áp lực dư luận thay vì dựa trên chứng cứ và quy định pháp luật; (4) Hoạt động truyền thông lệch chuẩn trong giai đoạn điều tra còn làm sai lệch vai trò giám sát xã hội của báo chí, như: một bộ phận truyền thông khai thác vụ án hình sự theo hướng giật gân, thương mại hóa thông tin hoặc ưu tiên yếu tố gây chú ý hơn tính chính xác pháp lý, làm cho chức năng giám sát xã hội dễ bị biến dạng. Điều này cũng làm suy giảm tính chuẩn mực nghề nghiệp của báo chí, ảnh hưởng đến sự cân bằng giữa quyền tự do ngôn luận và yêu cầu bảo đảm công lý; gây nhiễu loạn thông tin và làm giảm hiệu quả vận hành của hệ thống tư pháp hình sự.

5. Một số giải pháp

5.1. Về phương diện pháp luật

Thứ nhất, thiết lập cơ chế phát ngôn và cung cấp thông tin chính thức trong tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra là giai đoạn có tính nhạy cảm cao, quyết định việc xác lập sự thật khách quan ban đầu của vụ án, do đó, việc công bố thông tin cần được đặt trong khuôn khổ pháp lý chặt chẽ và minh bạch hơn so với các giai đoạn tố tụng khác. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung một điều khoản riêng trong *Bộ luật Tố tụng hình sự* hiện hành quy định về nguyên tắc và điều kiện công bố thông tin vụ án trong giai đoạn điều tra. Điều khoản này nên xác lập các nội dung cơ bản sau: (1) Chỉ cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc người được ủy quyền chính thức mới có thẩm quyền cung cấp thông tin; (2) Thông tin công bố phải bảo đảm không tiết lộ bí mật điều tra, không làm lộ chứng cứ,

không ảnh hưởng đến hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ; (3) Việc công bố phải phù hợp với nguyên tắc suy đoán vô tội, không được thể hiện nội dung mang tính khẳng định trách nhiệm hình sự khi chưa có bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với dữ liệu điện tử, như: hình ảnh, video, bản ghi âm, tin nhắn hoặc tài liệu điều tra, cần quy định rõ điều kiện công bố theo hướng: dữ liệu phải được kiểm tra tính xác thực; việc công bố không gây phương hại đến quá trình điều tra và phải có quyết định bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan tiến hành tố tụng. Việc cụ thể hóa này nhằm thiết lập ranh giới rõ ràng giữa dữ liệu với tư cách là chứng cứ tố tụng và dữ liệu được khai thác như thông tin truyền thông, qua đó, hạn chế nguy cơ truyền thông hóa các tình tiết chưa được xác minh. Bên cạnh đó, có thể ban hành nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán hoặc thông tư liên tịch hướng dẫn cụ thể về việc cung cấp và sử dụng thông tin tố tụng trên phương tiện truyền thông, bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật. Đồng thời, cần được thể chế hóa bằng việc bổ sung một điều luật mới trong Chương II về những nguyên tắc cơ bản của *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 nhằm xác lập nguyên tắc chung về công bố thông tin trong tố tụng hình sự.

Thứ hai, hoàn thiện nội dung luật báo chí theo hướng cụ thể hóa trách nhiệm khi đưa tin về vụ án trong giai đoạn điều tra khi chưa có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền. Hoạt động đưa tin về vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra chịu sự điều chỉnh trực tiếp của pháp luật báo chí và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Do đó, cần cụ thể hóa nghĩa vụ của cơ quan báo chí và nhà báo khi đưa tin về vụ án đang điều tra, đặc biệt là nghĩa vụ tôn trọng nguyên tắc suy đoán vô tội, tránh sử dụng ngôn từ mang tính quy kết trách nhiệm hình sự, hạn chế khai thác lời khai hoặc tình tiết chưa được kiểm chứng. Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm cải chính, xin lỗi và khắc phục hậu quả trong trường hợp đưa tin sai lệch hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của cá nhân liên quan. Trong đó, cần nghiên cứu khả năng: (1) Mở rộng trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại do đưa tin sai lệch gây ra; (2) Xem xét trách nhiệm hình sự đối với các hành vi cố ý tiết lộ bí mật điều tra hoặc đưa tin gây cản trở hoạt động tố tụng. Việc hoàn thiện pháp luật báo chí theo hướng này không nhằm hạn chế quyền tự do báo chí mà nhằm xác lập chuẩn mực trách nhiệm tương xứng với tác động xã hội của hoạt động truyền thông tư pháp.

Thứ ba, quy định rõ cơ chế chịu trách nhiệm và chế tài xử lý vi phạm theo hướng bảo đảm tính phòng ngừa và răn đe thực chất. Trong đó, cần chuyển trọng tâm từ cơ chế xử lý mang tính hậu kiểm sang cơ chế phòng ngừa sớm thông qua việc thiết lập quy trình phản ứng nhanh đối với thông tin liên quan đến vụ án hình sự đang trong quá trình giải quyết. Cụ thể, cần quy định rõ trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc chủ động cung cấp thông tin chính thức theo cơ chế phát ngôn định kỳ hoặc phát ngôn khi có sự kiện tố tụng quan trọng nhằm hạn chế khoảng trống thông tin, cũng là nguyên nhân dẫn đến suy đoán và lan truyền tin chưa kiểm chứng. Đồng thời, bổ sung nghĩa vụ pháp lý cụ thể đối với cơ quan báo chí khi đưa tin về người bị buộc tội, bao gồm: yêu cầu sử dụng ngôn ngữ trung lập, dẫn nguồn chính thức và cập nhật kết quả giải quyết vụ án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Cùng với đó, trách nhiệm pháp lý của người sử dụng mạng xã hội cần được xác định rõ hơn đối với hành vi bình luận, chia sẻ hoặc lan truyền thông tin sai sự thật, thông tin mang tính quy kết trong khi vụ án chưa được giải quyết theo trình tự luật định. Việc áp dụng chế tài cần gắn với các biện pháp khắc phục hậu quả cụ thể như nghĩa vụ cải chính công khai, gỡ bỏ nội dung vi phạm

trong thời hạn xác định và cơ chế phục hồi danh dự cho cá nhân bị ảnh hưởng. Hệ thống chế tài cần được thiết kế theo hướng kết hợp giữa xử phạt hành chính, trách nhiệm dân sự và trách nhiệm nghề nghiệp, bảo đảm tính nghiêm minh nhưng đồng thời khả thi trong môi trường truyền thông số, nơi thông tin có tốc độ lan truyền nhanh và phạm vi ảnh hưởng rộng.

Thứ tư, đề xuất mô hình kiểm soát hai tầng dựa trên nguyên tắc cân bằng và tính tương xứng, đó là: (1) *Tầng thứ nhất*: hệ thống các quy định pháp luật mang tính bắt buộc, xác định rõ các giới hạn và chế tài xử lý vi phạm; (2) *Tầng thứ hai*: các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử và cơ chế tự điều chỉnh của báo chí. Hai tầng này cần được thiết kế theo hướng bổ trợ lẫn nhau, trong đó pháp luật đóng vai trò khung chuẩn tối thiểu, còn chuẩn mực nghề nghiệp giúp điều chỉnh linh hoạt các tình huống cụ thể mà pháp luật khó có thể dự liệu hết.

5.2. Về phương diện xã hội

Một là, tổ chức thực hiện và phát huy cơ chế phối hợp trong hoạt động cung cấp, quản lý thông tin tư pháp hình sự. Cơ chế này không chỉ nhằm xác định rõ trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan tiến hành tố tụng, mà còn tạo điều kiện để báo chí thực hiện chức năng thông tin và giám sát xã hội một cách đúng đắn, không gây áp lực, không can thiệp và không làm sai lệch bản chất của hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

Hai là, nâng cao nhận thức pháp lý, ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và các cá nhân liên quan trong hoạt động cung cấp, phát ngôn thông tin về vụ án hình sự. Việc nâng cao nhận thức pháp lý của xã hội giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc khắc phục các bất cập phát sinh từ hoạt động đưa tin về vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra, song song với các giải pháp mang tính pháp lý và tổ chức. Đồng thời, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật liên quan đến tố tụng hình sự, quyền con người và các nguyên tắc cơ bản của tư pháp hình sự cho xã hội là yêu cầu cần thiết. Thông qua việc tăng cường hiểu biết pháp lý, người tiếp cận thông tin có điều kiện nhận thức rõ hơn về giới hạn của quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do ngôn luận cũng như trách nhiệm pháp lý phát sinh từ việc bình luận, chia sẻ các thông tin liên quan đến vụ án đang trong giai đoạn điều tra. Đây là cơ sở quan trọng nhằm hạn chế các hành vi "điều tra tự phát", lan truyền tin đồn và suy diễn chủ quan trên không gian mạng.

Cùng với việc bồi dưỡng nhận thức pháp lý, cần chú trọng xây dựng văn hóa tiếp cận và sử dụng thông tin có trách nhiệm trong xã hội. Về lâu dài, khi nhận thức pháp lý của xã hội được củng cố và văn hóa truyền thông có trách nhiệm từng bước được hình thành, hoạt động đưa tin về vụ án hình sự sẽ đi vào khuôn khổ lành mạnh hơn, qua đó, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và tăng cường niềm tin của công chúng vào tính công bằng, khách quan và nghiêm minh của hệ thống tư pháp hình sự❐

Chú thích:

1. *Báo Nhân Dân đạt mức xuất sắc về chuyển đổi số năm 2025.* https://nhandan.vn, ngày 19/12/2025.

2. Andrew Ashworth, Human Rights, *Serious Crime and Criminal Procedure*, Oxford University Press, 2012.

3. *Một số vấn đề rút ra từ vụ án xảy ra tại Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Ngân hàng SCB.* https://noichinh.vn, ngày 01/01/2024.

4. *Vụ nghệ sĩ Hoài Linh bị tố "ăn chặn'"tiền từ thiện: Công an TP. Hồ Chí Minh không khởi tố.* https://thanhnien.vn, ngày 22/12/2021.

5. *Truyền thông, báo chí với trách nhiệm giải trình trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam hiện nay.* https://noichinh.vn, ngày 13/5/2023.